

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGUYỄN VĂN ĐÔ

**PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA,
QUA THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP
TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Lê Hữu Du**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận
văn thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng
năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	1
3. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	2
4. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ của đề tài	2
5. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	3
6. Tính mới và những đóng góp của đề tài.....	3
7. Bố cục của luận văn	3
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HOÁ	5
1.1. Một số vấn đề lý luận về hợp đồng mua bán hàng hoá	5
1.1.1. Khái niệm hợp đồng mua bán hàng hóa.....	5
1.1.2. Đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa	5
1.1.2.1. Về chủ thể.....	5
1.1.2.2. Về đối tượng.....	5
1.1.2.3. Về hình thức	6
1.1.2.4. Về nội dung	6
1.1.2.5. Về mục đích	6
1.1.2.6. Phân biệt hợp đồng mua bán hàng hóa với các loại hợp đồng khác.....	6
1.1.3. Phân loại hợp đồng mua bán hàng hoá	7
1.1.3.1. Hợp đồng mua bán hàng hóa trong nước.....	7
1.1.3.2. Hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế.....	7
1.1.3.3. Hợp đồng mua bán hàng hoá qua Sở giao dịch	7
1.1.4. Cấu trúc của hợp đồng mua bán hàng hóa	8
1.1.5. Các nguyên tắc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa.....	8
1.1.5.1 Nguyên tắc thực hiện đúng đối tượng của hợp đồng.....	8
1.1.5.2. Nguyên tắc thực hiện đúng và đầy đủ.....	8
1.1.5.3. Nguyên tắc thực hiện hợp đồng một cách trung thực, thiện chí theo tinh thần hợp tác và cùng có lợi nhất cho các bên, bảo đảm tin cậy lẫn nhau	8
1.1.5.4. Nguyên tắc thực hiện hợp đồng không vi phạm pháp luật, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.....	9
1.1.6. Các yếu tố tác động đến thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá.....	9
1.1.6.1. Yếu tố pháp luật, kinh tế	9
1.1.6.2. Các yếu tố khác	9
1.2. Khái quát pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hoá	9
1.2.1. Khái niệm pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hoá.....	9
1.2.2. Nguồn luật điều chỉnh về hợp đồng mua bán hàng hoá.....	9
1.2.3. Đặc trưng và vai trò của pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa.....	9
1.2.3.1. Đặc trưng của pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa	9
1.2.3.2. Vai trò của pháp luật về hợp đồng mua bán hàng	10
1.3. Quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hoá	10
1.3.1. Pháp luật hiện hành về hợp đồng mua bán hàng hoá.....	10

1.3.1.1. Chủ thể của hợp đồng mua bán hàng hoá	10
1.3.1.2. Hình thức của hợp đồng mua bán hàng hoá.....	10
1.3.1.3. Nội dung của hợp đồng mua bán hàng hoá.....	11
1.3.1.4. Các nội dung khác của hợp đồng mua bán hàng hoá.....	12
1.3.1.5. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng mua bán hàng hoá	13
1.3.1.6. Trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng	14
1.3.1.7. Chuyển rủi ro.....	14
1.3.1.8. Khiêu nại thương mại.....	14
1.4. Giải quyết tranh chấp	14
1.4.1. Khái niệm về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.....	14
1.4.2. Các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	15
1.5. Đánh giá một số hạn chế của pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa.....	15
1.5.1. Về ưu điểm	15
1.5.2. Về hạn chế	15
CHƯƠNG 2. THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI.....	16
2.1. Tình hình giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại tỉnh Quảng Ngãi.....	16
2.2. Thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại tỉnh Quảng Ngãi.....	16
2.2.1. Tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ thanh toán	16
2.2.2. Tranh chấp về thanh toán các chi phí phát sinh và trách nhiệm bảo hành	16
2.2.3. Tranh chấp về lãi suất chậm thanh toán	16
2.2.4. Tranh chấp về phạt vi phạm	17
2.3. Nguyên nhân tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	17
2.4. Đánh giá việc áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại tỉnh Quảng Ngãi.....	17
2.5. Những khó khăn, vướng mắc trong giải quyết tranh chấp.....	17
2.5.1. Những vướng mắc, bất cập từ cơ cấu tổ chức của hệ thống Tòa án nói chung..	17
2.5.2. Những vướng mắc, bất cập từ những cán bộ thực thi pháp luật	18
2.5.3. Nhiều quy định của pháp luật còn chưa có sự thống nhất	18
2.5.3.1. Chưa thống nhất trong quy định xác định vụ án kinh doanh thương mại hay vụ án dân sự khi giải quyết tranh chấp	18
2.5.3.2. Chưa thống nhất trong quy định của pháp luật liên quan đến chế định hợp đồng	18
2.5.3.3. Chưa có hướng dẫn về các trường hợp được miễn trách nhiệm	18
2.5.3.4. Chưa có quy định rõ ràng về thực hiện và vấn đề chuyển quyền sở hữu, chuyển rủi ro trong hợp đồng mua bán hàng hóa.....	18
CHƯƠNG 3. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA.....	20
3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa.20	

3.1.1. Xây dựng khung pháp lý để các chủ thể giao kết, thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá.....	20
3.1.2. Kết hợp hài hoà các lợi ích thúc đẩy lưu thông hàng hoá, phát triển kinh tế xã hội	20
3.1.3. Hoàn thiện pháp luật mua bán hàng hóa thống nhất trong hệ thống pháp luật pháp quốc gia, đồng thời phù hợp với thông lệ quốc tế.....	20
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa	20
3.2.1. Về mối quan hệ giữa hình thức hợp đồng với hiệu lực của hợp đồng.....	20
3.2.2. Về chế tài phạt vi phạm và chế tài bồi thường thiệt hại.....	21
3.2.3. Về trách nhiệm phát sinh trong quá trình thực hiện về đối tượng hợp đồng	21
3.2.4. Sửa đổi, bổ sung quy định về giao nhận hàng hóa.....	21
3.2.4.1. Về địa điểm giao nhận hàng.....	21
3.2.4.2. Về thời hạn giao hàng	21
3.2.5. Về nghĩa vụ của bên bán trong trường hợp hàng hóa là đối tượng của biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự.....	21
3.2.6. Về chuyển rủi ro trong hợp đồng mua bán	22
3.2.7. Về chuyển quyền sở hữu	22
3.2.8. Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.....	22
3.2.9. Sửa đổi phù hợp với quy định của Công ước Viên năm 1980 mà Việt Nam đã tham gia	22
3.3. Giải quyết nhanh chóng, hiệu quả và kịp thời các tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa	23
3.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa	23
KẾT LUẬN	24
TÀI LIỆU THAM KHẢO	24

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Luật Thương mại năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn được ban hành đã tạo ra công cụ, hành lang pháp lý quan trọng cho hoạt động thương mại trong các lĩnh vực như vận chuyển hàng hóa, dịch vụ,..., đặc biệt là lĩnh vực mua bán hàng hóa phát triển. Có thể nói, trong các quy định pháp luật điều chỉnh lĩnh vực thương mại thì quy định về hợp đồng mua bán hàng hóa được chú trọng nhiều nhất bởi vai trò quan trọng và sức ảnh hưởng của nó.

Việc nắm vững, vận dụng hiệu quả các quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa vào thực tiễn thương mại sẽ giúp các chủ thể xác lập, thay đổi và chấm dứt hợp đồng mua bán hàng hóa được thuận lợi, đúng pháp luật và hạn chế thiệt hại. Tuy nhiên, trên cả nước nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng vẫn còn nhiều chủ thể chưa nắm vững quy định của pháp luật khi tham gia vào các hợp đồng mua bán hàng hóa, dẫn đến những tranh chấp, thiệt hại không đáng có. Ngoài ra, quá trình thực hiện quy định của Luật Thương mại năm 2005 về hợp đồng mua bán hàng hóa đã phát sinh nhiều hạn chế, bất cập, không có sự đồng bộ, tương thích với các quy định khác và gây trở ngại cho nền kinh tế đất nước trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Nhận thức tầm quan trọng của chế định về hợp đồng mua bán hàng hóa và cùng với các lý do nêu trên, tôi quyết định lựa chọn đề tài "Pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa, qua thực tiễn giải quyết tranh chấp tại tỉnh Quảng Ngãi để làm luận văn tốt nghiệp.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Hợp đồng mua bán hàng hóa là một chế định quan trọng của pháp luật thương mại nên những vấn đề liên quan đến chế định hợp đồng mua bán hàng hóa đã được nhiều nhà khoa học và nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu ở những mức độ khác nhau như thông qua các bài viết, giáo trình hoặc khóa luận điển hình như:

Khóa luận tốt nghiệp: “Hợp đồng mua bán hàng hóa từ lý thuyết đến thực tiễn áp dụng tại công ty TNHH IPC” của tác giả Phạm Thị Lan Phương (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân).

Khóa luận tốt nghiệp “Pháp luật về hoạt động mua bán hàng hóa trong nước lý luận và thực tiễn” của Phan Trần Duy Khiêm (Đại học Cần Thơ).

Luận văn “Hợp đồng mua bán hàng hóa và thực tiễn áp dụng tại Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex” của tác giả Vũ Phương Huyền.

Luận văn “Hợp đồng mua bán hàng hóa theo pháp luật Việt Nam” của tác giả Trương Thị Thùy Dương (Đại học Luật, Đại học Huế).

Luận văn “Nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế” của tác giả Trần Văn Phấn (Đại học Luật, Đại học Huế).

Nhìn chung, những nghiên cứu đã nêu góp phần vào quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung và hợp đồng mua bán hàng hóa nói riêng.

Tuy nhiên, trong những năm trở lại đây, do nhu cầu phát triển mạnh mẽ của thực tiễn mà có một số lượng lớn các văn bản pháp luật quan trọng được sửa đổi, ban hành mới thay thế cho những văn bản, quy định pháp luật cũ đã lỗi thời, không còn đáp ứng được nhu cầu thực tiễn hiện nay. Các công trình nghiên cứu, bài viết nêu trên được hình thành trên cơ sở các văn bản pháp luật cũ, do vậy, cơ sở pháp lý của các vấn đề nêu ra trong các công trình đó đã phần nào bị sai lệch, không còn phù hợp với thực tiễn pháp lý hiện nay. Mặt khác, những nghiên cứu này vẫn còn có những hạn chế nhất định khác như chưa đưa ra được các giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật hợp đồng mua bán hàng hóa, nâng cao hiệu quả của việc ký kết cũng như thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa. Đây là những vấn đề cấp thiết đặt ra trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, hệ thống pháp luật kinh tế nói riêng ở nước ta.

Bên cạnh đó, Quảng Ngãi là địa phương đang thu hút nhiều nhà đầu tư cũng như diễn ra nhiều hoạt động mua bán hàng hóa cho nên những năm gần đây phát sinh tranh chấp trong hoạt động mua bán hàng hóa cũng trở nên phổ biến và việc giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại Quảng Ngãi được tiến hành chủ yếu theo các quy định về tố tụng dân sự tại Tòa án. Nhưng tính đến nay vẫn chưa có tác giả nào nghiên cứu về tình hình tranh chấp, nguyên nhân tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và đánh giá thực tiễn áp dụng giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại tỉnh Quảng Ngãi.

Luận văn này tập trung nghiên cứu chế định hợp đồng mua bán hàng hóa dựa trên các quy định pháp luật mới nhất, kết hợp với thực tiễn giải quyết tranh chấp tại Quảng Ngãi, do đó đảm bảo tính cập nhật, thời sự và đáp ứng thực tiễn của hoạt động mua bán hàng hóa trong giai đoạn hiện nay.

3. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận văn được thực hiện dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa triết học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội, xây dựng, hoàn thiện pháp quyền theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận văn, bao gồm thống kê, tổng hợp, phân tích, so sánh nhằm nghiên cứu có hệ thống, đầy đủ cơ sở lý luận của chế định hợp đồng mua bán hàng hóa, nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật hợp đồng mua bán hàng hóa trong quá trình giải quyết tranh chấp tại tỉnh Quảng Ngãi. Từ đó, tổng hợp lý luận, thực tiễn những nội dung nghiên cứu nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện quy định về hợp đồng mua bán hàng hóa.

4. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ của đề tài

Trên cơ sở phân tích lý luận về hợp đồng mua bán hàng hóa, thực trạng điều chỉnh pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật khi giải quyết tranh chấp tại tỉnh

Quảng Ngãi căn cứ theo quy định của pháp luật mới ban hành, luận văn sẽ đánh giá những vấn đề còn hạn chế trong chế định về hợp đồng mua bán hàng hóa, đồng thời đưa ra những định hướng, giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa.

Luận văn chủ yếu giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu, phân tích lý luận cơ bản về pháp luật điều chỉnh hoạt động mua bán hàng hóa, về thực tiễn áp dụng pháp luật tại tỉnh Quảng Ngãi trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng mua hàng hoá, dựa vào đó để đưa ra các đánh giá khách quan những điểm hạn chế, bất cập trong pháp luật thương mại hiện nay và yêu cầu hoàn thiện trong thời gian tới.

- Đề xuất định hướng chung và giải pháp cụ thể nhằm tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa.

5. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

5.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn này chủ yếu là chế định pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định của Luật Thương mại năm 2005 và quy định khác của pháp luật có liên quan điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động mua bán hàng hóa ở Việt Nam và thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại địa phương tỉnh Quảng Ngãi.

5.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn này tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật Việt Nam về hợp đồng mua bán hàng hóa, thực tiễn của pháp luật thương mại trong việc điều chỉnh quan hệ mua bán hàng hóa và thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng tại tỉnh Quảng Ngãi trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2021 nhằm phát hiện các bất cập, vướng mắc, từ đó đưa ra một số đánh giá, kiến nghị hoàn thiện các quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa.

6. Tính mới và những đóng góp của đề tài

Tính đến nay chưa có đề tài nào nghiên cứu toàn diện lý luận về hợp đồng mua bán hàng hóa cũng như thực tiễn giải quyết tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa tại tỉnh Quảng Ngãi. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài “Pháp luật về mua bán hàng hóa qua thực tiễn giải quyết tranh tại tỉnh Quảng Ngãi” được xem là mới.

Đề tài này sẽ làm sáng tỏ thêm về khái niệm, nguyên tắc, nội dung, đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa và thực tiễn áp dụng pháp luật tại địa phương nhất định (tại tỉnh Quảng Ngãi), theo đó sẽ góp phần làm luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam.

7. Bố cục của luận văn

Luận văn bao gồm phần mở đầu, nội dung, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, các phụ lục.

Các nội dung của luận văn gồm 3 chương, tên các chương cụ thể như sau:

Chương I: Một số vấn đề lý luận và quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa.

Chương II: Thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại tỉnh Quảng Ngãi.

Chương III. Phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HOÁ

1.1. Một số vấn đề lý luận về hợp đồng mua bán hàng hoá

1.1.1. Khái niệm hợp đồng mua bán hàng hóa

Quan hệ mua bán hàng hoá được xác lập, thực hiện thông qua hình thức pháp lý là hợp đồng mua bán hàng hoá. Hợp đồng mua bán hàng hoá cũng chứa đựng bản chất chung của hợp đồng, đó là sự thoả thuận nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt các quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ mua bán hàng hóa.

Mặc dù Luật Thương mại năm 2005 không đưa ra định nghĩa về hợp đồng mua bán hàng hoá, tuy nhiên có thể xác định bản chất pháp lý của hợp đồng mua bán hàng hoá dựa vào quy định về hợp đồng mua bán tài sản trong Bộ luật Dân sự năm 2005. Trên cơ sở đó, hợp đồng mua bán hàng hoá là một dạng cụ thể của hợp đồng mua bán tài sản; dù là mua bán hàng hóa trong thương mại hay mua bán tài sản trong dân sự thì bản chất của nó cũng không có gì thay đổi, mà vẫn có nội dung là người bán phải giao đối tượng được bán, chuyển quyền sở hữu đối tượng này cho người mua và nhận tiền, còn người mua thì nhận đối tượng mua và trả tiền cho người bán. Trong hợp đồng mua bán hàng hóa, các bên có quyền thoả thuận việc mua bán hàng hoá ở hiện tại hoặc mua bán hàng hoá ở tương lai.

Từ vấn đề đã nêu, hợp đồng mua bán hàng hóa có thể được hiểu là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán có nghĩa vụ chuyển quyền sở hữu hàng hóa, giao hàng cho bên mua và nhận thanh toán, còn bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán, nhận hàng, nhận quyền sở hữu hàng hóa theo thỏa thuận.

1.1.2. Đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa

Ngoài việc có các đặc điểm chung của hầu hết các loại hợp đồng như về giao kết hợp đồng, hợp đồng vô hiệu, xử lý hợp đồng vô hiệu... thì hợp đồng mua bán hàng hóa cũng có những đặc trưng nhất định như về chủ thể, hình thức, quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ mua bán hàng hóa, các chế tài giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa được điều chỉnh theo pháp luật thương mại và những quy định này có tính chất là sự phát triển tiếp tục những quy định của pháp luật dân sự về hợp đồng mua bán tài sản.

1.1.2.1. Về chủ thể

Hợp đồng mua bán hàng hóa được xác lập giữa các chủ thể chủ yếu là các thương nhân với nhau. Ngoài chủ thể là thương nhân thì các tổ chức, cá nhân không phải là thương nhân cũng có thể trở thành chủ thể của hợp đồng mua bán hàng hoá.

1.1.2.2. Về đối tượng

Đối tượng của hợp đồng mua bán hàng hoá là hàng hoá, đó là những sản phẩm lao động của con người, được tạo ra nhằm mục đích thoả mãn nhu cầu của con người. Hàng hoá được chia thành nhiều loại khác nhau như bất động sản,

động sản, tài sản vô hình, tài hữu hình, các quyền về tài sản...dựa trên tính chất pháp lý của hàng hóa.

1.1.2.3. Về hình thức

Hợp đồng mua bán hàng hóa có thể được thể hiện dưới hình thức văn bản, lời nói hoặc hành vi cụ thể của các bên giao kết. Trong một số trường hợp cụ thể, hợp đồng mua bán hàng hóa buộc phải thể hiện bằng văn bản nhằm giảm thiểu rủi ro cho các bên trong hợp đồng và các chủ thể khác có liên quan. Đối với hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế phải bằng hình thức văn bản hoặc hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương (các hình thức có giá trị pháp lý tương đương văn bản bao gồm điện báo, telex, fax, thông điệp dữ liệu và các hình thức khác theo quy định của pháp luật).

1.1.2.4. Về nội dung

Trong hợp đồng mua bán hàng hóa thể hiện quyền, nghĩa vụ của các bên giao kết, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua, nhận tiền, còn bên mua có nghĩa vụ nhận hàng hóa, trả tiền cho bên bán; mục đích của chủ thể hợp đồng thông thường được xác định qua tư cách pháp lý chủ thể khi giao kết hợp đồng. Hành vi mua bán của các bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa có tính chất hành vi thương mại; mục đích thông thường của các bên mua bán là lợi nhuận.

1.1.2.5. Về mục đích

Căn cứ vào mục đích của việc giao kết hợp đồng có hay không có lợi nhuận mà có thể phân biệt là hợp đồng dân sự hay hợp đồng kinh doanh thương mại. Theo đó, hợp đồng mua bán tài sản gồm nhiều mục đích khác nhau như: tặng, cho, làm từ thiện, kinh doanh, tiêu dùng hoặc do sở thích..., còn hợp đồng mua bán hàng hóa chủ yếu với mục đích để kinh doanh, thu lợi nhuận cho các thương nhân, một số ít dung vào mục đích tiêu dùng, các mục đích khác cho thương nhân và những chủ thể không phải thương nhân, tùy theo nhu cầu, mong muốn của họ trong từng thời điểm.

Mục đích giao dịch của hợp đồng kinh doanh thương mại nói chung và hợp đồng mua bán hàng hóa nói riêng thì yếu tố quan trọng chính là mục đích lợi nhuận.

1.1.2.6. Phân biệt hợp đồng mua bán hàng hóa với các loại hợp đồng khác

Hợp đồng mua bán hàng hóa khác với hợp đồng tặng cho tài sản, trong đó hợp đồng tặng cho tài sản là loại hợp đồng đơn vụ, không có tính chất đền bù, khi tặng cho tài sản thì bên tặng cho giao tài sản, quyền sở hữu tài sản cho bên được tặng cho mà không yêu cầu đền bù. Còn hợp đồng mua bán hàng hóa là loại hợp đồng song vụ và có tính chất đền bù, giá của hàng hóa luôn được xác định, việc chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa luôn có yêu cầu đền bù giá trị hàng hóa theo thỏa thuận của các bên.

Hợp đồng mua bán hàng hóa khác với hợp đồng thuê tài sản, trong đó hợp đồng thuê tài sản, quyền chiếm hữu và sử dụng tài sản được chuyển

dịch từ người cho thuê sang người thuê nhưng người cho thuê vẫn là chủ sở hữu và vẫn có quyền định đoạt với tài sản cho thuê; còn trong hợp đồng mua bán hàng hóa thì quyền sở hữu của bên bán được chuyển giao cho bên mua nên bên mua có quyền định đoạt đối với hàng hóa.

Hợp đồng mua bán hàng hóa khác với hợp đồng dịch vụ, theo đó hợp đồng dịch vụ có đối tượng là dịch vụ, có thể là các dịch vụ không liên quan trực tiếp đến việc mua bán hàng hóa, ví dụ như dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ xây dựng, dịch vụ ngân hàng,... cũng có thể là các dịch vụ gắn liền trực tiếp với mua bán hàng hóa như dịch vụ trung gian thương mại, dịch vụ logistic, dịch vụ xúc tiến thương mại... Trong loại hợp đồng này, đối tượng là dịch vụ sẽ không được chuyển giao từ bên cung cấp dịch vụ cho bên nhận dịch vụ, mà bên cung cấp dịch vụ sẽ thực hiện một dịch vụ cụ thể theo thỏa thuận cho bên nhận dịch vụ. Sự khác nhau giữa hàng hóa và dịch vụ là cơ sở tạo nên khác biệt trong nội dung điều chỉnh pháp luật giữa hợp đồng cung ứng dịch vụ và hợp đồng mua bán hàng hóa trong thương mại.

1.1.3. Phân loại hợp đồng mua bán hàng hoá

Căn cứ vào phạm vi của hợp đồng có thể chia ra hai loại đó là hợp đồng mua bán hàng hoá trong nước và hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế. Còn lại căn cứ vào cách thức thực hiện hợp đồng có thể chia ra hai loại hợp đồng mua bán hàng hoá qua sở giao dịch hàng hoá và hợp đồng mua bán hàng hoá không qua sở giao dịch hàng hoá.

1.1.3.1. Hợp đồng mua bán hàng hoá trong nước

Là loại hợp đồng mà các chủ thể xác lập, thực hiện giao dịch với nhau đối tượng là tất cả các loại động sản, kể cả động sản hình thành trong tương lai và những vật gắn liền với đất đai trên lãnh thổ Việt Nam.

1.1.3.2. Hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế

Là loại hợp đồng vượt ra khỏi phạm vi một quốc gia, việc mua bán hàng hóa quốc tế được thực hiện dưới các hình thức xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập và chuyển khẩu.

1.1.3.3. Hợp đồng mua bán hàng hoá qua Sở giao dịch

Mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa là một trong những hoạt động thương mại phổ biến trong thực tiễn thương mại quốc tế nhằm bảo hiểm các rủi ro do việc biến động giá cả trên thị trường, theo đó các bên thỏa thuận thực hiện việc mua bán một số lượng nhất định của một loại hàng hóa nhất định thông qua Sở giao dịch hàng hóa theo các tiêu chuẩn của Sở giao dịch hàng hóa, với giá được thỏa thuận tại thời điểm giao kết hợp đồng và thời gian giao hàng được xác định trong một thời điểm trong tương lai.

Hợp đồng mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa bao gồm hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng quyền chọn.

1.1.4. Cấu trúc của hợp đồng mua bán hàng hóa

Hợp đồng mua bán hàng hóa là thỏa thuận của các bên về việc xác lập quyền, nghĩa vụ của họ trong việc mua bán hàng hóa. Vì vậy, nội dung của hợp đồng mua bán hàng hóa là những điều khoản do các bên thỏa thuận; các bên có quyền quyết định những nội dung trong hợp đồng, bởi vì quyền, nghĩa vụ của các bên trong quan hệ hợp đồng phát sinh chủ yếu từ những điều khoản mà các bên thỏa thuận đó.

Mặc dù những nội dung của hợp đồng do các bên thỏa thuận nhưng các bên không chỉ chịu sự ràng buộc bởi các điều khoản mà các bên thỏa thuận mà còn chịu sự ràng buộc bởi những quy định của pháp luật nên cấu trúc của hợp đồng mua bán hàng hóa không chỉ là các điều khoản do các bên thỏa thuận mà còn có thể bao gồm cả những điều khoản do các bên không thỏa thuận nhưng theo quy định của pháp luật các bên có nghĩa vụ phải thực hiện.

1.1.5. Các nguyên tắc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa

Hợp đồng được giao kết hợp pháp làm phát sinh các quyền, nghĩa vụ cụ thể cho mỗi bên và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đó thì mới đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho bên kia cũng như đảm bảo quyền, lợi ích chung mà cả hai bên trong hợp đồng hướng đến. Nếu hợp đồng không được thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ thì sẽ gây thiệt hại cho cả hai bên hoặc cho bên bị vi phạm. Thực tế, hợp đồng không được thực hiện không những ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên trong hợp đồng mà còn gây tác động xấu trong quan hệ giữa các quốc gia. Có thể thấy, việc thỏa thuận, ký kết hợp đồng chỉ là công việc khởi đầu, còn thực hiện hợp đồng mới là giai đoạn quan trọng nhất, đem đến quyền lợi hợp pháp thực tế. Chính vì thế mà pháp luật đã quy định các nguyên tắc thực hiện hợp đồng như sau:

1.1.5.1 Nguyên tắc thực hiện đúng đối tượng của hợp đồng

Nguyên tắc này đòi hỏi các bên thực hiện đúng điều khoản đối tượng là hàng hóa đã thỏa thuận trong hợp đồng; không được thay đổi hàng hóa mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng bằng loại hàng hóa khác nếu không được sự đồng ý của bên kia.

1.1.5.2. Nguyên tắc thực hiện đúng và đầy đủ

Nguyên tắc thực hiện đúng đòi hỏi các bên phải thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết, thỏa thuận trong hợp đồng, tức là tất cả quyền và nghĩa vụ phát sinh từ quan hệ hợp đồng đều phải được thực hiện đúng, đầy đủ.

1.1.5.3. Nguyên tắc thực hiện hợp đồng một cách trung thực, thiện chí theo tinh thần hợp tác và cùng có lợi nhất cho các bên, bảo đảm tin cậy lẫn nhau

Đây là nguyên tắc đòi hỏi các bên trong hợp đồng phải hợp tác chặt chẽ với nhau, thường xuyên theo dõi và giúp đỡ nhau để các bên có thể thực hiện đúng, nghiêm chỉnh những điều khoản của hợp đồng, giúp nhau khắc phục khó khăn trong quá trình thực hiện hợp đồng.

1.1.5.4. Nguyên tắc thực hiện hợp đồng không vi phạm pháp luật, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác

Đây là nguyên tắc quan trọng khi tham gia vào hợp đồng, góp phần vào việc lưu thông hàng hóa, phát triển sản xuất, ổn định các chính sách kinh tế xã hội của quốc gia.

1.1.6. Các yếu tố tác động đến thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá

1.1.6.1. Yếu tố pháp luật, kinh tế

Môi trường pháp luật có tác động trực tiếp đến hợp đồng mua bán hàng hóa, sự ổn định về chính trị, đường lối ngoại giao, cân bằng các chính sách của nhà nước và vai trò, chiến lược phát triển kinh tế của Đảng, của Chính phủ, sự điều tiết và khuynh hướng can thiệp của Chính phủ vào đời sống kinh tế xã hội, các quyết định bảo vệ người tiêu dùng, sự hoàn thiện và thực tế thi hành hệ thống pháp luật có ảnh hưởng to lớn đến các hoạt động bán hàng hoá của doanh nghiệp. Hệ thống pháp luật càng hoàn thiện, thống nhất thì nền kinh tế càng phát triển ổn định.

Môi trường kinh tế có ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động bán hàng hoá. Kinh tế phát triển ổn định thì sẽ làm nhu cầu mua bán hàng hóa tăng lên; lạm phát cũng tác động rất lớn và nhất là khả năng quan hệ ngoại thương với nước ngoài, đó là buôn bán với nước ngoài, là khả năng cạnh tranh với các hàng hóa nhập ngoại. Một nền kinh tế phát triển ổn định, không lạm phát sẽ là môi trường lý tưởng để thu hút các thương nhân thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa hiệu quả.

1.1.6.2. Các yếu tố khác

Ngoài yếu tố pháp luật và kinh tế như đã nêu thì còn có nhiều yếu tố khác ảnh hưởng đến thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá của doanh nghiệp như: Hàng hoá, giá cả và chất lượng, nhà cung cấp, nguồn lực của doanh nghiệp, nguồn nhân lực...

1.2. Khái quát pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hoá

1.2.1. Khái niệm pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hoá

Pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hoá là hệ thống các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm điều chỉnh quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động mua bán hàng hoá.

1.2.2. Nguồn luật điều chỉnh về hợp đồng mua bán hàng hoá

Quan hệ mua bán hàng hoá được điều chỉnh từ nhiều nguồn luật khác nhau như các văn bản pháp luật trong nước, điều ước quốc tế, tập quán và thói quen thương mại.

1.2.3. Đặc trưng và vai trò của pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hoá

1.2.3.1. Đặc trưng của pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hoá

Pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa cũng có những đặc trưng cơ bản như tính quy phạm phổ biến, tính quyền lực bắt buộc chung và tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

1.2.3.2. Vai trò của pháp luật về hợp đồng mua bán hàng

Pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa có một số vai trò cơ bản sau:

Thứ nhất, pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa nhằm thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển thương mại nói chung và phát triển hoạt động mua bán hàng hóa nói riêng.

Thứ hai, pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa là cơ sở pháp lý để thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động mua bán hàng hóa để các chủ thể tham gia hoạt động mua bán hàng hóa hiểu rõ về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình; đồng thời là căn cứ để xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực hoạt động mua bán hàng hóa; xác định công tác quản lý nhà nước phải thực hiện.

Thứ ba, pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa góp phần nâng cao nhận thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế.

Thứ tư, pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa góp phần thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế.

1.3. Quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hoá

1.3.1. Pháp luật hiện hành về hợp đồng mua bán hàng hoá

1.3.1.1. Chủ thể của hợp đồng mua bán hàng hoá

1.3.1.1.1. Thương nhân

Theo quy định của Luật Thương mại năm 2005 thì thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh.

Ngoài ra, dựa trên yếu tố quốc tịch thì có thể phân loại thành thương nhân Việt Nam và thương nhân nước ngoài, việc xác định tư cách thương nhân nước ngoài phải căn cứ theo pháp luật của nước mà thương nhân đó mang quốc tịch.

1.3.1.1.2. Các chủ thể không phải là thương nhân

Tổ chức, cá nhân không phải là thương nhân cũng được xem là chủ thể của hợp đồng mua bán hàng hóa với thương nhân, nghĩa là một bên của hợp đồng là cá nhân, tổ chức hoạt động thương mại độc lập và thường xuyên, còn bên kia là chủ thể không cần điều kiện nêu trên, bên không phải là thương nhân có thể là chủ thể có đủ năng lực hành vi để tham gia giao kết và thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định của pháp luật, đó có thể là cá nhân, cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc không có tư cách pháp nhân, cũng có thể là hộ gia đình, tổ hợp tác và không hoạt động thương mại độc lập và thường xuyên như một nghề nghiệp.

1.3.1.2. Hình thức của hợp đồng mua bán hàng hoá

Hình thức hợp đồng mua bán hàng hóa là cách thức để thể hiện ý chí thỏa thuận giữa các bên tham gia quan hệ hợp đồng; một hợp đồng mua bán hàng hóa được ký kết với những điều khoản được quy định rõ ràng là căn cứ xác đáng nhất để các bên thực hiện nghĩa vụ một cách trung thực và tự nguyện.

Trong Bộ luật Dân sự năm 2005 có quy định về hình thức hợp đồng nhưng đến khi Bộ luật Dân sự năm 2015 mới được ban hành thì quy định trên đã được

xóa bỏ mà thay vào đó về cơ bản hình thức hợp đồng sẽ áp dụng tương tự hình thức của giao dịch dân sự đã được quy định trong Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trên cơ sở quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại năm 2005 thì giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa được thực hiện dưới 03 hình thức.

1.3.1.3. Nội dung của hợp đồng mua bán hàng hoá

Nội dung của hợp đồng mua bán hàng hoá là những điều khoản do các bên thoả thuận, thể hiện quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa.

Trên cơ sở các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Thương mại năm 2005, dựa trên tính chất của quan hệ hợp đồng mua bán hàng hoá, có thể xác định những điều khoản quan trọng của hợp đồng mua bán hàng hoá bao gồm: Đối tượng, chất lượng, giá cả, phương thức thanh toán, thời hạn và địa điểm giao nhận hàng...

1.3.1.3.1. Đối tượng của hợp đồng mua bán hàng hoá

Đối tượng của hợp đồng mua bán hàng hóa chính là hàng hóa, bao gồm các sản phẩm lao động của con người, được tạo ra nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu của con người. Khái niệm hàng hóa được ghi nhận trong luật pháp các nước trên thế giới, tuy có những khác biệt nhất định nhưng đều có xu hướng mở rộng đối tượng là hàng hóa được phép lưu thông. Dựa vào tính chất pháp lý, hàng hóa được chia thành các loại khác nhau như bất động sản, động sản, tài sản hữu hình, tài sản vô hình hoặc các quyền về tài sản...

1.3.1.3.2. Giá cả

Nội dung thỏa thuận giá cả là một trong những điều khoản cơ bản của hợp đồng mua bán hàng hóa, nó gắn liền với các điều khoản về đối tượng trong hợp đồng; giá trong hợp đồng mua bán hàng hóa thông thường được xác định trên cơ sở như đơn giá, điều khoản bảo lưu về giá hàng hóa,...; trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế thì giá cả được xác định theo giá quốc tế và trên cơ sở điều kiện giao hàng. Theo nguyên tắc giá cả cần phải được quy định rõ ràng và chính xác. Có nhiều trường hợp bên mua yêu cầu bên bán ghi giá thấp hơn giá thực tế nhằm mục đích trốn thuế nhập khẩu hoặc để tránh việc kiểm soát ngoại tệ thì bên mua cũng có thể yêu cầu bên bán ghi giá cao hơn giá thực tế để chuyển phần chênh lệch vào tài khoản của bên mua ở nước ngoài.

1.3.1.3.3. Nghĩa vụ thanh toán

Thanh toán là nghĩa vụ quan trọng nhất của bên mua trong quan hệ hợp đồng mua bán hàng hoá, trong đó bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán theo thoả thuận trong hợp đồng; các điều khoản thanh toán được các bên thoả thuận thông thường bao gồm những nội dung cụ thể về đồng tiền thanh toán, phương thức thanh toán, thời hạn, địa điểm thanh toán, trình tự, thủ tục thanh toán...đòi hỏi bên mua phải thực hiện đúng những nội dung này theo thoả thuận; trường hợp các bên không có thoả thuận về những nội dung cụ thể liên quan đến việc thanh toán thì áp dụng quy định của pháp luật.

1.3.1.3.4. Địa điểm giao hàng

Địa điểm giao hàng có thể do các bên thỏa thuận, phù hợp với điều kiện thực tế, thuận tiện và có lợi cho các bên. Khi cần thỏa thuận cụ thể về địa điểm giao hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với khả năng đi lại của phương tiện vận chuyển và đảm bảo an toàn cho phương tiện.

1.3.1.3.5. Thời hạn giao hàng

Các nội dung liên quan đến điều khoản giao hàng như thời gian, địa điểm, phương thức giao hàng thường được các bên thỏa thuận phù hợp với đặc điểm của hàng hoá trong hợp đồng mua bán hàng hóa. Trong hợp đồng mua bán hàng hóa thì đòi hỏi bên bán phải giao hàng hóa phù hợp với quy định của hợp đồng về số lượng, chất lượng, cách thức đóng gói, bảo quản và các quy định khác trong hợp đồng.

1.3.1.3.6. Bảo đảm quyền sở hữu và quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa

Để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hoá mua bán, pháp luật quy định bên bán không được bán hàng hoá vi phạm quyền sở hữu trí tuệ. Bên bán phải chịu trách nhiệm trong trường hợp có tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hoá đã bán; trường hợp bên mua hàng hoá yêu cầu bên bán hàng hoá phải tuân theo bản vẽ kỹ thuật, thiết kế, công thức hoặc những số liệu chi tiết do bên mua hàng hoá cung cấp thì bên mua hàng hoá phải chịu trách nhiệm về các khiếu nại liên quan đến những vi phạm quyền sở hữu trí tuệ phát sinh từ việc bên bán đã tuân thủ những yêu cầu của bên mua hàng hoá.

1.3.1.3.7. Những trường hợp miễn trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa.

Miễn trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa là việc bên vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng mua bán hàng hóa không phải chịu các hình thức chế tài; các bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa có quyền thỏa thuận với nhau về giới hạn trách nhiệm, miễn trách nhiệm hợp đồng trong các trường hợp cụ thể do các bên dự liệu khi giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa. Bên cạnh đó, việc miễn trách nhiệm hợp đồng còn được áp dụng theo các trường hợp khác do pháp luật quy định.

Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, đối với những hợp đồng mua bán có thời hạn cố định về giao hàng, các bên đều có quyền không thực hiện hợp đồng và không bị áp dụng các biện pháp chế tài. Tuy nhiên, khi áp dụng quy định về các trường hợp miễn trách nhiệm hợp đồng, việc chứng minh các trường hợp được miễn trách nhiệm thuộc về bên có hành vi vi phạm hợp đồng, theo đó bên vi phạm nếu muốn được miễn trách nhiệm hợp đồng thì phải có đầy đủ chứng cứ để chứng minh các trường hợp miễn trách nhiệm hợp đồng theo quy định của pháp luật.

1.3.1.4. Các nội dung khác của hợp đồng mua bán hàng hóa

1.3.1.4.1. Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng

Để đảm bảo thực hiện các nghĩa trong hợp đồng mua bán hàng hóa, các bên có thể thỏa thuận áp dụng một trong những biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng

quy định tại Điều 292 của Bộ luật Dân sự năm 2015, như: Cầm cố tài sản; đặt cọc; ký quỹ; thế chấp tài sản; bảo lãnh.

1.3.1.4.2. Sửa đổi, chấm dứt hợp đồng mua bán hàng hóa

Quá trình thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa, các bên có quyền thỏa thuận với nhau về việc sửa đổi, chấm dứt hợp đồng.

- Sửa đổi hợp đồng: Hợp đồng mua bán hàng hóa đã được giao kết và đã có hiệu lực nhưng vì điều kiện, hoàn cảnh cụ thể mà các bên có thể thỏa thuận sửa đổi hợp đồng, trừ một số trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Chấm dứt hợp đồng: Hợp đồng mua bán hàng hóa đã có hiệu lực nhưng khi tiến hành thực hiện quyền, nghĩa vụ thì các bên mới nhận thức được rằng họ cần phải chấm dứt hợp đồng vì việc tiếp tục thực hiện hợp đồng không mang lại lợi ích hợp lý cho một bên hoặc cả hai bên như các bên kỳ vọng khi giao kết hợp đồng.

1.3.1.5. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng mua bán hàng hóa

Luật Thương mại không quy định cụ thể các điều kiện để hợp đồng mua bán có hiệu lực. Vì vậy, khi xem xét hiệu lực của hợp đồng mua bán hàng hóa cần dựa trên các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự quy định trong Bộ luật Dân sự, theo đó có thể xác định một hợp đồng mua bán hàng hóa có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

Thứ nhất, về nguyên tắc giao kết hợp đồng: Theo quy định của Bộ luật dân sự thì việc giao kết hợp đồng nói chung, cũng như hợp đồng kinh doanh thương mại nói riêng phải đảm bảo các nguyên tắc: Tự do giao kết nhưng không được vi phạm quy định của luật và không trái đạo đức xã hội; tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, thiện chí, trung thực, ngay thẳng.

Thứ hai, về đối tượng của hợp đồng: Không phải tất cả các loại hàng hóa này đều là đối tượng của hợp đồng mua bán hàng hóa mà những hàng hóa được giao dịch trong hợp đồng phải là những hàng hóa không nằm trong danh mục hàng hóa cấm kinh doanh.

Thứ ba, về chủ thể tham gia hợp đồng: Chủ thể tham gia giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa phải đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Thứ tư, về nội dung của hợp đồng: Nội dung của hợp đồng mua bán hàng hóa cần được thỏa thuận, ký kết phù hợp với các quy định của luật và không được trái đạo đức xã hội, nếu không thì hợp đồng mua bán hàng hóa có thể bị vô hiệu một phần hoặc toàn bộ.

Thứ năm, về hình thức của hợp đồng: Các bên khi giao kết hợp đồng phải tuân theo những hình thức, thủ tục do pháp luật quy định là không thống nhất với Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần phải có những sửa đổi bổ sung nhất định.

Hợp đồng được giao kết mà không đáp ứng đầy đủ các điều kiện để hợp đồng có hiệu lực thì hợp đồng đó vô hiệu, không có cơ sở để ràng buộc các chủ thể về quyền và nghĩa vụ. Trong trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng đó là vô hiệu thì nó không có giá trị pháp lý kể từ thời điểm nó được ký kết.

1.3.1.6. Trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng

Hợp đồng được giao kết hợp pháp sẽ có hiệu lực bắt buộc thực hiện đối với các bên trong hợp đồng và các bên có nghĩa vụ phải thực hiện đúng nội dung cam kết, thỏa thuận. Trong thực tế cho thấy nhiều hợp đồng được giao kết hợp pháp nhưng các bên lại không thực hiện đúng thỏa thuận. Do đó, nhằm đảm bảo việc thực hiện nội dung thỏa thuận của các bên hoặc để bù đắp những tổn thất mà bên bị vi phạm phải chịu, pháp luật hiện hành đã quy định về những trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng nói chung, hợp đồng trong hoạt động thương mại nói riêng.

1.3.1.7. Chuyển rủi ro

Thực tiễn mua bán hàng hoá, có thể xảy ra những sự kiện khách quan làm mất mát, hư hỏng hàng hoá (bị trộm cắp, bị hư hỏng do thiên tai, địch họa...), hàng hoá có thể bị mất mát, hư hỏng trên đường vận chuyển, trước hay trong khi giao nhận hàng. Trong những trường hợp như vậy, yêu cầu rất quan trọng đặt ra là phải xác định trách nhiệm gánh chịu rủi ro đối với hàng hoá; về nguyên tắc chung, việc xác định trách nhiệm chịu rủi ro đối với hàng hoá trước hết cần căn cứ vào sự thỏa thuận, nếu trường hợp các bên không có thỏa thuận thì áp dụng quy định của pháp luật.

1.3.1.8. Khiếu nại thương mại

Ngoại trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 237 của Luật Thương mại thì thời hạn khiếu nại do các bên thỏa thuận, nếu các bên không có thỏa thuận thì thời hạn khiếu nại được quy định cụ thể như sau:

- 03 tháng, kể từ ngày giao hàng đối với khiếu nại về số lượng hàng hoá.
- 06 tháng, kể từ ngày giao hàng đối với khiếu nại về chất lượng hàng hoá; trong trường hợp hàng hoá có bảo hành thì thời hạn khiếu nại là ba tháng, kể từ ngày hết thời hạn bảo hành.
- 09 tháng, kể từ ngày bên vi phạm phải hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc trong trường hợp có bảo hành thì kể từ ngày hết thời hạn bảo hành đối với khiếu nại về các vi phạm khác.

1.4. Giải quyết tranh chấp

1.4.1. Khái niệm về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Khái niệm tranh chấp thương mại được ghi nhận lần đầu tiên tại Điều 238 của Luật Thương mại năm 1997, theo đó: Tranh chấp thương mại là tranh chấp phát sinh do việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hợp đồng trong hoạt động thương mại.

Luật Thương mại năm 2005 không có khái niệm về tranh chấp thương mại nói chung cũng như tranh chấp trong quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa nói riêng, tuy nhiên dựa trên quy định chung của pháp luật thì chúng ta có thể hiểu tranh chấp phát sinh trong hợp đồng mua bán hàng hóa là những mâu thuẫn, xung đột về quyền và lợi ích hợp pháp giữa các chủ thể tham gia quan hệ mua bán hàng

hóa, phát sinh do việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ những nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng.

1.4.2. Các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Nguyên tắc giải quyết chung khi xảy ra các tranh chấp thương mại là ưu tiên cho việc hòa giải, thương lượng giữa các bên, chỉ khi nào các bên không thương lượng, hòa giải được với nhau thì khi đó mới lựa chọn phương thức giải quyết khác theo quy định của pháp luật của Việt Nam, nếu trong hợp đồng mua bán hàng hóa không quy định hình thức bắt buộc phải áp dụng khi có tranh chấp xảy ra trong thực hiện hợp đồng thì các bên có thể lựa chọn con đường giải quyết sau: Thương lượng; hòa giải; giải quyết tranh chấp bằng trọng tài; giải quyết tranh chấp tại Tòa án.

1.5. Đánh giá một số hạn chế của pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa

1.5.1. Về ưu điểm

Trong thời gian qua, hệ thống pháp luật về hợp đồng nói chung và hợp đồng mua bán hàng hóa nói riêng ngày càng được hoàn thiện, tạo ra hành lang pháp lý vững vàng cho các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh được hiệu quả.

1.5.2. Về hạn chế

Pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa vẫn có một số bất cập, chưa rõ ràng như quy định về nghĩa vụ thông báo thời điểm giao hàng của bên bán, quy định về cơ sở xác định thời điểm chuyển giao rủi ro cũng chưa hợp lý; giữa Luật Thương mại năm 2005 và Bộ luật Dân sự năm 2015 có nhiều quy định chưa thống nhất với nhau như: Các quy định về mối quan hệ giữa hình thức hợp đồng với hiệu lực của hợp đồng; về chế tài phạt vi phạm và chế tài bồi thường thiệt hại; về trách nhiệm phát sinh trong quá trình thực hiện về đối tượng hợp đồng; về thời hạn, địa điểm giao nhận hàng, nghĩa vụ của bên bán trong trường hợp hàng hóa là đối tượng của biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; về chuyển rủi ro trong hợp đồng mua bán, về chuyển quyền sở hữu, lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Ngoài ra, tuy các văn bản pháp luật điều chỉnh về hợp đồng mua bán hàng hóa đã có nhiều đổi mới nhưng hiện nay vẫn còn nhiều quy định chưa phù hợp với yêu cầu thay đổi của nền kinh tế thị trường, chưa phù hợp với quy định của Công ước Viên năm 1980 mà Việt Nam đã tham gia như cần làm rõ hơn các các tiêu chí nhận diện vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng mua bán hàng hóa, về cách tính tiền bồi thường thiệt hại hợp đồng, trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm do lỗi của bên thứ ba, quy định về nghĩa vụ bảo quản hàng hóa của các bên trong trường hợp có tranh chấp, về thời hạn kiểm tra hàng hóa và thông báo về sự không phù hợp của hàng hóa,...

Chính những hạn chế nêu trên của pháp luật làm ảnh hưởng đến sự thiếu đồng bộ của hệ thống pháp luật Việt Nam, dẫn đến việc áp dụng pháp luật lúng túng, đồng thời là nguyên nhân phát sinh các tranh chấp giữa các chủ thể trong hợp đồng mua bán hàng hóa.

CHƯƠNG 2

THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI

2.1. Tình hình giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại tỉnh Quảng Ngãi

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của thì trong những năm gần đây các tranh chấp nói chung và tranh chấp về kinh doanh, thương mại nói riêng, đặc biệt là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa tại tỉnh Quảng Ngãi có chiều hướng gia tăng qua các năm.

Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thì số vụ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong năm 2017 là 14 vụ án, năm 2019 là 17 vụ án, đến 2020 là 20 vụ và năm 2021 tăng lên 27 vụ án. Phần lớn các vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tập trung tại các địa bàn thành phố Quảng Ngãi, huyện Bình Sơn và huyện Sơn Tịnh và tỷ lệ số vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa chiếm số lượng tương đối so với các tranh chấp kinh doanh thương mại khác.

2.2. Thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại tỉnh Quảng Ngãi

2.2.1. Tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ thanh toán

Vi phạm nghĩa vụ thanh toán là một trong những nguyên nhân phổ biến dẫn đến tranh chấp trong hợp đồng mua bán hàng hóa tại Quảng Ngãi, theo đó trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên bán đã giao đầy đủ hàng hóa cho bên mua nhưng bên mua không thanh toán tiền mua hàng theo đúng thời hạn thanh toán đã thỏa thuận.

Trường hợp điển hình là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” giữa nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sơn Toa Việt Nam (viết tắt là Công ty Sơn Toa) và bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tuyên Phát Thịnh (viết tắt là Công ty Tuyên Phát Thịnh).

2.2.2. Tranh chấp về thanh toán các chi phí phát sinh và trách nhiệm bảo hành

Vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn là Công ty TNHH Đầu tư Phong Lan (viết tắt là Công ty Phong Lan) và bị đơn là Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (viết tắt là Công ty Tàu thủy Dung Quất).

2.2.3. Tranh chấp về lãi suất chậm thanh toán

Vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thiên Phú (viết tắt là Công ty Thiên Phú) và bị đơn là Công ty Cổ phần Xi Măng Miền Trung (viết tắt là Công ty Xi măng Miền Trung).

2.2.4. Tranh chấp về phạt vi phạm

Đó là trường hợp tranh chấp hợp mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu xây dựng FICO (viết tắt là: Công ty FICO) và bị đơn Công ty Cổ phần Bê tông li tâm Dung Quất (Sau đây viết tắt là Công ty Bê tông Dung Quất).

2.3. Nguyên nhân tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những tranh chấp từ hợp đồng mua bán hàng hóa, bên cạnh những nguyên nhân khách quan do các quy định thiếu đồng bộ của hệ thống pháp luật thì còn do những nguyên nhân chủ quan khác.

Trong thời gian qua, các vụ án về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại tỉnh Quảng Ngãi chủ yếu xảy ra do các nguyên nhân như vi phạm nghĩa vụ thanh toán về thanh toán các chi phí phát sinh và trách nhiệm bảo hành về lãi suất chậm thanh toán, về phạt vi phạm.

2.4. Đánh giá việc áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại tỉnh Quảng Ngãi

Nhìn chung việc Tòa án hai cấp tại tỉnh Quảng Ngãi giải quyết tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa trong các vụ án nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của Luật Thương mại năm 20015.

Tuy nhiên, qua những ví dụ về các vụ án nêu trên, chúng ta thấy có Tòa án áp dụng các quy định về hợp đồng mua bán tài sản trong Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo quan điểm cá nhân tôi việc áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự trong trường hợp này là không phù hợp.

Ngoài ra, việc tuyên lãi suất chậm trả kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi thi hành án xong cũng không có sự thống nhất giữa các Tòa án tại tỉnh Quảng Ngãi.

2.5. Những khó khăn, vướng mắc trong giải quyết tranh chấp

2.5.1. Những vướng mắc, bất cập từ cơ cấu tổ chức của hệ thống Tòa án nói chung

Theo quy định pháp luật hiện nay thì Tòa án được tổ chức theo đơn vị hành chính gồm Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân tối cao. Mô hình hệ thống Tòa án như trên hiện nay lộ rõ nhiều bất cập và không phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 03/06/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp, cụ thể nghị quyết nêu rõ: Tổ chức hệ thống Tòa án theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính gồm Tòa án sơ thẩm khu vực được tổ chức ở một hoặc một số đơn vị hành chính cấp huyện; Tòa án phúc thẩm có nhiệm vụ chủ yếu xét xử phúc thẩm và xét xử sơ thẩm một số vụ án; Tòa thượng thẩm được tổ chức theo khu vực có nhiệm vụ xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm.

2.5.2. Những vướng mắc, bất cập từ những cán bộ thực thi pháp luật

Tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không có Thẩm phán chuyên trách để giải quyết các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa nên tính chuyên môn hóa chưa cao, dẫn đến có tình trạng Thẩm phán lúng túng khi lần đầu tiên giải quyết các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

2.5.3. Nhiều quy định của pháp luật còn chưa có sự thống nhất

2.5.3.1. Chưa thống nhất trong quy định xác định vụ án kinh doanh thương mại hay vụ án dân sự khi giải quyết tranh chấp

Trong thực tiễn giải quyết các vụ án tại tỉnh Quảng Ngãi, các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại đòi hỏi “có đăng ký kinh doanh” và “đều có mục đích lợi nhuận”, nếu thiếu một trong hai điều kiện này thì tranh chấp sẽ được xác định là vụ án dân sự.

2.5.3.2. Chưa thống nhất trong quy định của pháp luật liên quan đến chế định hợp đồng

Pháp luật về hợp đồng của nước ta hiện nay lộ rõ nhiều bất cập và nhiều quy định không còn đáp ứng với yêu cầu phát triển. Pháp luật hợp đồng chủ yếu do hai nguồn luật điều chỉnh là Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Thương mại năm 2005, bên cạnh đó chế định hợp đồng còn tồn tại trong các quan hệ pháp lý khác được điều chỉnh theo những luật chuyên biệt như Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật kinh doanh bảo hiểm... Tuy nhiên, các quy định liên quan đến chế định hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015 với các luật chuyên ngành hầu như là không tiệm cận với nhau và ngay cả trong những luật chuyên ngành vẫn còn nhiều khác biệt vì một quan hệ hợp đồng có thể sử dụng đến nhiều quan hệ pháp lý. Nói cách khác, những hạn chế cơ bản trong pháp luật hợp đồng Việt Nam hiện nay là thiếu tính thống nhất và có khả năng dẫn đến tình trạng xung đột pháp luật.

2.5.3.3. Chưa có hướng dẫn về các trường hợp được miễn trách nhiệm

Theo quy định tại Điều 294 của Luật Thương mại năm 2005 thì một trong những trường hợp bên vi phạm hợp đồng được miễn trách nhiệm là “Hành vi vi phạm của một bên do thực hiện quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà các bên không thể biết được vào thời điểm giao kết hợp đồng”. Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có hướng dẫn cụ thể về cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền là cơ quan nào và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành ra quyết định đó nhằm mục đích gì, dẫn đến lúng túng và có nhiều quan điểm khi áp dụng quy định này để giải quyết tranh chấp.

2.5.3.4. Chưa có quy định rõ ràng về thực hiện và vấn đề chuyển quyền sở hữu, chuyển rủi ro trong hợp đồng mua bán hàng hóa

Việc chuyển quyền sở hữu, chuyển rủi ro từ người bán sang người mua đối với hàng hóa trong hợp đồng mua bán hàng hóa là một vấn đề hết sức phức tạp và có ý nghĩa pháp lý quan trọng. Theo Điều 62 của Luật Thương mại năm 2005 thì nếu không có thỏa thuận khác hay pháp luật không có quy định khác thì quyền sở

hữu đối với hàng hóa được chuyển giao từ người bán sang người mua kể từ thời điểm hàng hóa được chuyển giao. Tuy nhiên, thời điểm mà hàng hóa được chuyển giao là thời điểm nào thì Luật Thương mại không quy định rõ, chuyển giao về mặt pháp lý hay trên thực tế nên dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau trong quá trình áp dụng.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa

3.1.1. Xây dựng khung pháp lý để các chủ thể giao kết, thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá

Cần sớm ban hành những văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thương mại năm 2005. Có thể nói, hoạt động lập pháp là một trong các hoạt động rất quan trọng, nó tạo nền tảng, giá trị pháp lý cho các hoạt động mua bán hàng hóa giữa các thương nhân, trên cơ sở dựa vào pháp luật mà thoả thuận các điều khoản, giao kết hợp đồng, thực hiện hợp đồng cũng như giải quyết tranh chấp phát sinh. Hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam chưa thực sự hoàn chỉnh, đòi hỏi cần có sự thay đổi cho phù hợp với điều kiện cụ thể của xã hội Việt nam nên việc hoàn thiện hệ thống pháp luật ngay từ khi lập pháp là vô cùng cần thiết, không chỉ đối với những vấn đề pháp lý về hợp đồng mua bán hàng hóa mà đối với đối với tất cả hoạt động nói chung trong xã hội.

3.1.2. Kết hợp hài hoà các lợi ích thúc đẩy lưu thông hàng hoá, phát triển kinh tế xã hội

Đảm bảo công bằng xã hội không chỉ là động lực, mà còn là mục tiêu của tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, không thể chấp nhận tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá mà đòi hỏi phải luôn gắn với một quan hệ phân phối nhằm đảm bảo sự cân bằng, trong công tác xây dựng pháp luật cũng đặt ra yêu cầu cân bằng hài hoà giữa các nhóm lợi ích bao gồm nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng.

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật mua bán hàng hóa thống nhất trong hệ thống pháp luật pháp quốc gia, đồng thời phù hợp với thông lệ quốc tế

Việc sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh thương mại đòi hỏi phải thực hiện theo hướng phù hợp với pháp luật quốc tế nhưng vẫn đảm bảo những lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp trong nước. Do đó, để thực hiện điều này, cần có ban soạn thảo pháp luật chuyên trách để tập trung nghiên cứu, tiếp thu những tiến bộ của pháp luật của các nước phát triển trên thế giới nhưng đồng thời cũng xem xét đầy đủ các nguyện vọng của doanh nghiệp để cho ra đời những văn bản quy phạm pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa có chất lượng.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa

3.2.1. Về mối quan hệ giữa hình thức hợp đồng với hiệu lực của hợp đồng

Luật Thương mại 2005 có điều khoản yêu cầu các bên khi giao kết hợp đồng phải tuân theo những hình thức, thủ tục do pháp luật quy định là không thống nhất với Bộ luật Dân sự năm 2015. Cụ thể: Khoản 2 Điều 24 quy định: “Đối với các

loại hợp đồng mua bán hàng hoá mà pháp luật quy định phải được lập thành văn bản thì phải tuân theo các quy định đó”.

Cần sửa đổi các quy định của Luật Thương mại 2005 về hình thức bắt buộc đối với một số loại hợp đồng mà các bên phải tuân thủ là trong trường hợp luật có quy định nhằm đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

3.2.2. Về chế tài phạt vi phạm và chế tài bồi thường thiệt hại

Giữa Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Thương mại năm 2005 quy định khác nhau giữa chế tài phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại. Luật Thương mại năm 2005 quy định bên bị vi phạm có quyền áp dụng cả chế tài phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại, khi có thỏa thuận phạt vi phạm. Như vậy, có sự thiếu thống nhất giữa Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Thương mại năm 2005 và sẽ gây khó khăn cho việc áp dụng luật để giải quyết tranh chấp trong giai đoạn hội nhập quốc tế.

Do đó, cần sửa đổi, bổ sung Luật Thương mại năm 2005 theo hướng nếu các bên chỉ có thỏa thuận về việc bên vi phạm hợp đồng phải chịu phạt vi phạm mà không có thỏa thuận về bồi thường thiệt hại thì nên tôn trọng ý chí của các chủ thể trong hợp đồng.

3.2.3. Về trách nhiệm phát sinh trong quá trình thực hiện về đối tượng hợp đồng

Cần bổ sung trong Luật Thương mại 2005 những quy định sau:

- Trường hợp bên bán không phải chịu trách nhiệm trước bên mua về khuyết tật của hàng hóa, bao gồm: Vật bán đấu giá, vật bán ở cửa hàng đồ cũ và bên mua có lỗi gây ra khuyết tật của vật.

- Bổ sung tại khoản 2 Điều 41 Luật Thương mại về quyền hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại trong trường hợp bên bán giao ít hơn số lượng đã thỏa thuận.

3.2.4. Sửa đổi, bổ sung quy định về giao nhận hàng hóa

3.2.4.1. Về địa điểm giao nhận hàng

Cần sửa đổi bổ sung quy định về địa điểm giao hàng tại Điều 35 Luật Thương mại 2005 cần sửa đổi theo hướng quy định như tại Điều 277 Bộ luật Dân sự 2015 năm về địa điểm thực hiện nghĩa vụ.

3.2.4.2. Về thời hạn giao hàng

Bổ sung vào khoản 1 Điều 37 Luật thương mại 2005 quy định: Bên bán phải giao hàng vào đúng thời điểm giao hàng đã thỏa thuận trong hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3.2.5. Về nghĩa vụ của bên bán trong trường hợp hàng hóa là đối tượng của biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự

Cần thiết phải sửa đổi quy định tại Điều 48 Luật Thương mại 2005 đối với trường hợp bên thế chấp có quyền bán tài sản thế chấp là hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh, kho hàng hoặc tài sản khác theo quy định của luật mà không cần có sự đồng ý của bên nhận thế chấp.

3.2.6. Về chuyển rủi ro trong hợp đồng mua bán

Luật Thương mại cần bổ sung quy định về việc chuyển rủi ro đối với hàng hóa mà theo quy định của pháp luật phải đăng ký quyền sở hữu theo hướng đối với hàng hóa phải đăng ký quyền sở hữu thì bên bán chịu rủi ro cho đến khi hoàn thành thủ tục đăng ký, bên mua chịu rủi ro kể từ thời điểm hoàn thành thủ tục đăng ký, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

3.2.7. Về chuyển quyền sở hữu

Cần sửa đổi, bổ sung Luật Thương mại 2005 về thời điểm xác lập quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản tương tự như quy định tại Điều 161 Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể Điều luật này quy định:

- Thời điểm xác lập quyền sở hữu, quyền khác đối với hàng hóa thực hiện theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan; trường hợp luật không có quy định thì thực hiện theo thỏa thuận của các bên; trường hợp luật không quy định và các bên không có thỏa thuận thì thời điểm xác lập quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản là thời điểm tài sản được chuyển giao.

Thời điểm tài sản được chuyển giao là thời điểm bên có quyền hoặc người đại diện hợp pháp của họ chiếm hữu tài sản.

- Trường hợp tài sản chưa được chuyển giao mà phát sinh hoa lợi, lợi tức thì hoa lợi, lợi tức thuộc về bên có tài sản chuyển giao, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

3.2.8. Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

Sửa đổi Điều 306 Luật Thương mại 2005 như sau: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015”.

3.2.9. Sửa đổi phù hợp với quy định của Công ước Viên năm 1980 mà Việt Nam đã tham gia

Nhìn chung, các quy định của Luật Thương mại năm 2005 tương thích, phù hợp với quy định của Công ước Viên năm 1980 vì trong quá trình xây dựng Luật Thương mại năm 2005, Việt Nam đã tham khảo quy định của Công ước Viên, đây một xu thế tất yếu khi xây dựng pháp luật của quốc gia đặt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Hiện nay Việt Nam là thành viên của Công ước Viên thì tác động của Công ước này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế mà Việt Nam tham gia. Về cơ bản Luật Thương mại năm 2005 cần sửa đổi các nội dung sau: Quy định rõ hơn về các tiêu chí nhận diện vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng mua bán hàng hóa, quy định chi tiết hơn về cách tính tiền bồi thường thiệt hại hợp đồng, bổ sung trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành

vi phạm do lỗi của bên thứ ba, bổ sung quy định về nghĩa vụ bảo quản hàng hóa của các bên trong trường hợp có tranh chấp, quy định về thời hạn kiểm tra hàng hóa và thông báo về sự không phù hợp của hàng hóa.

3.3. Giải quyết nhanh chóng, hiệu quả và kịp thời các tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa

Cần nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa bằng con đường Tòa án có hiệu quả, nhanh chóng và kịp thời; nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của các doanh nghiệp, đảm bảo môi trường kinh doanh lành mạnh góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội.

Phải nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác xét xử, đáp ứng được các yêu cầu của thực tiễn. Thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật và các thông tin về lĩnh vực mua bán tài sản cho cán bộ. Bên cạnh đó cần phải trau dồi các kỹ năng nghề nghiệp để có kinh nghiệm thực tiễn. Phải xây dựng và thực hiện mô hình tòa án theo cấp xét xử. Cần phải có sự đãi ngộ xứng đáng với những người làm công tác xét xử, để họ yên tâm công hiến.

3.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa

Tập trung phát triển hơn nữa đội ngũ các nhà làm luật chuyên nghiệp, chuyên dành thời gian nghiên cứu và tạo ra môi trường nghiên cứu lập pháp đáp ứng các nhu cầu của xã hội bằng cách thành lập Trung tâm nghiên cứu và phát triển pháp luật độc lập thuộc Quốc hội, độc lập với các Bộ, ngành. Trung tâm này cần có các thành viên là chuyên gia pháp lý cơ hữu và các chuyên gia được mời hợp tác nghiên cứu từ bên ngoài nhằm loại bỏ những chông chéo, mâu thuẫn giữa các quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó cần tăng số đại biểu Quốc hội chuyên trách tập trung cho công tác lập pháp, vì cơ quan lập pháp có vai trò vô cùng quan trọng trong việc xây dựng những vấn đề pháp lý mang tính bắt buộc chung. Họ phải nghiên cứu, đánh giá và có trách nhiệm với sản phẩm do mình làm ra. Có như vậy mới hy vọng tương lai có những điều chỉnh phù hợp, kịp thời của toàn hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về hoạt động mua bán hàng hóa nói riêng.

KẾT LUẬN

Trong thời gian qua, hệ thống pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa đã được quan tâm, cải cách. Tuy nhiên, cần hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa trong giai đoạn hiện nay là một vấn đề cấp thiết nhằm đáp ứng được yêu cầu đặt ra của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong phạm vi đề tài nghiên cứu, luận văn đã tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật liên quan đến vấn đề hợp đồng mua bán hàng hóa và thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa tại tỉnh Quảng Ngãi, trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa, nâng cao hiệu quả việc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa, tạo hành lang pháp lý nhằm bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh, bảo vệ người tiêu dùng, đồng thời là cơ sở để các thương nhân thúc đẩy hoạt động thương mại đạt hiệu quả cao nhất, tạo môi trường pháp lý thông thoáng cho thương nhân ký kết, thực hiện hợp đồng và nâng cao tính hiệu quả của hệ thống pháp luật Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Văn bản pháp luật**
- 2. Các tài liệu tham khảo khác**